

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày: 26-5-2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh

2. Bà La Thị Thu Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-DS ngày 07/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Tổ 9, ấp 1, xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Tổ 11, ấp 2, xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 30/3/2019 bà H có cho bà N vay số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), mục đích vay là để bà N kinh doanh quyền sử dụng đất. Khi vay hai bên có làm giấy tay vay tiền với thời hạn vay là 3 năm, lãi suất 1%/tháng (lãi suất chỉ thỏa thuận miệng). Sau đó đến năm 2022 bà N trả cho bà H được 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) còn nợ lại bà H 400.000.000 đồng. Đến tháng 8 năm 2024 do bà H đòi tiền bà N nhiều lần nên bà N có viết cho bà H 2 giấy tay để khất lại số nợ còn thiếu. Tuy nhiên cho đến nay cho dù bà H đã gặp bà N đòi nợ nhiều lần nhưng bà N vẫn hèn và cố tình không trả nợ cho bà H, không những vậy bà N còn tránh mặt bà H, không gặp bà H để thỏa thuận về số nợ còn thiếu.

Như vậy, tính đến nay bà N còn nợ bà H số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị N phải trả cho bà

H số tiền còn thiếu là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); bà H không yêu cầu bà N phải trả lãi suất.

Bị đơn bà Đoàn Thị N: Theo phiếu xác minh ngày 17/3/2025 của Toà án thì kết quả xác minh bà Đoàn Thị N có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Ấp 2, xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Đoàn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa tuy nhiên bà N vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Ấp 2, xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, do đó, theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự cho bị đơn là bà Đoàn Thị N. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Đoàn Thị N đều vắng mặt; tại phiên tòa bà N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Sự vắng mặt của Kiểm sát viên: Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có văn bản thông báo không tham gia phiên tòa với lý do vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung:

Về nợ gốc: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị N phải trả cho bà H số tiền nợ là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Bà H đã cung cấp cho Tòa án giấy tay “giấy mượn nợ” ngày 30/3/2019 có chữ ký mang tên Đoàn Thị N với số tiền vay là 600.000.000đ, trước khi lấy tiền báo trước 2 tháng. Bà H khai nhận bà N đã trả cho bà H được 200.000.000đ; hiện bà N chỉ còn nợ bà H số tiền 400.000.000đ. Đồng thời bà H cũng cung cấp cho Tòa án giấy tay ngày 26/8/2024 có chữ ký mang tên Đoàn Thị N với nội dung là trả nợ dần cho bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh về

việc đã thanh toán số tiền 400.000.000đ cho bà H mặc dù bà N đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về nội dung vụ án; do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy việc bà N vay bà H số tiền 400.000.000đ là có thật, mặc dù đã được bà H cho thời gian để trả nợ nhưng cho đến nay bà N vẫn chưa trả số tiền trên cho bà H nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay còn thiếu là 400.000.000 đồng.

Về lãi suất: Do bà Nguyễn Thị H không yêu cầu về tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Đoàn Thị N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Đoàn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị N phải nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Hiền